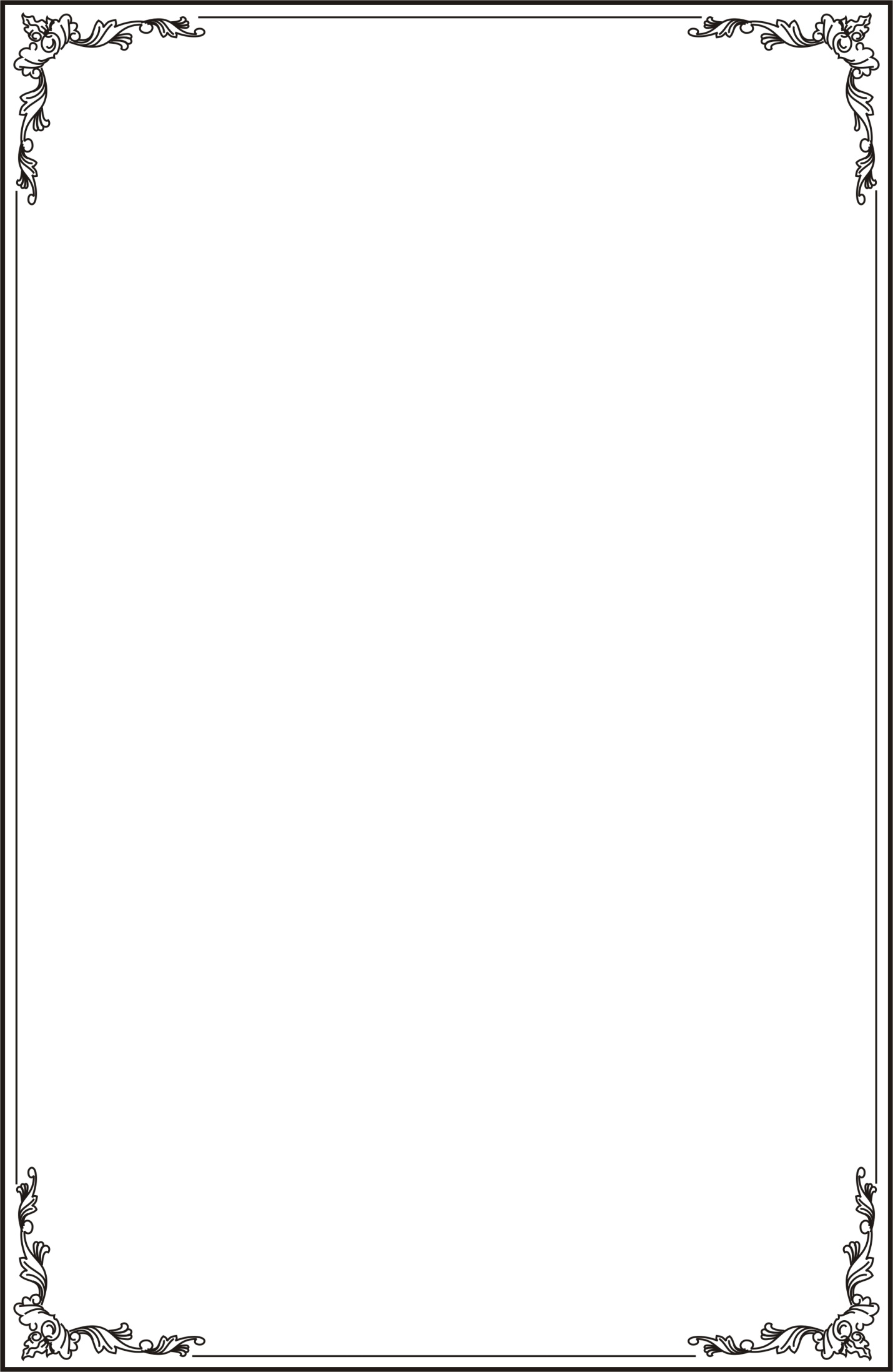
****

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**-----🙞🙜🕮🙞🙜-----**

**NGUYỄN THỊ HẢI HÀ**

**VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN**

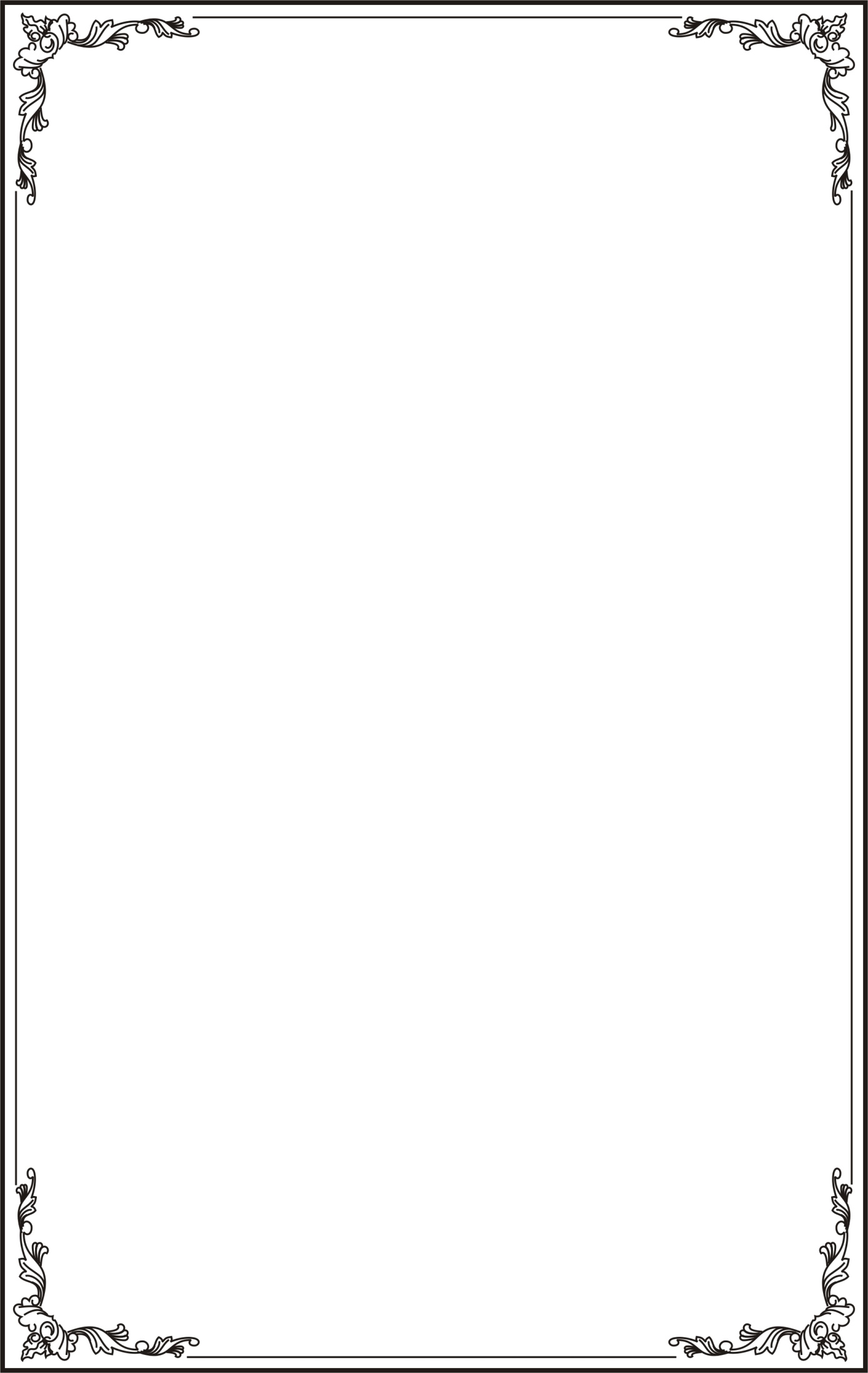
**KHU VỰC DỊCH VỤ Ở HẢI PHÒNG**

**CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**MÃ SỐ: 62 31 01 02**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**Hà Nội, 2018**

****

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Phản biện 1: ………………………….

Phản biện 2: …………………………..

Phản biện 3: ……………………………

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Khu vực dịch vụ ít phụ thuộc vào tự nhiên, năng suất và hiệu quả rất cao, khả năng lan tỏa lớn. Do đó, khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn là điều kiện khách quan để tăng trưởng kinh tế, là nội dung quan trọng của phát triển kinh tế. Trong cơ chế thị trường, sự phát triển của khu vực dịch vụ chịu sự tác động của các quy luật thị trường. Để phát triển nhanh khu vực dịch vụ, các quốc gia vừa phải tuân thủ các quy luật khách quan, vừa phải giải quyết rất nhiều vấn đề. Là nước đi sau, Việt Nam rất cần đẩy nhanh phát triển khu vực này.

Phát triển khu vực dịch vụ là trách nhiệm của cả nước và của mỗi địa phương, đặc biệt là những tỉnh, thành phố có nhiều tiềm năng. Hải Phòng là thành phố có vị trí quan trọng về kinh tế, xã hội; là thành phố cảng quan trọng, với lợi thế cảng nước sâu nên vận tải biển rất phát triển, đồng thời Hải Phòng đang giữ vai trò là cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ lớn và trọng điểm kinh tế biển của miền Bắc và cả nuớc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Hải Phòng có đầy đủ điều kiện để có thể phát triển những ngành dịch vụ quan trọng nhằm đưa thành phố tăng trưởng vượt bậc về mọi mặt.

Tuy nhiên, khu vực dịch vụ ở Hải Phòng chưa được phát triển tương xứng với tiềm năng, chưa cân đối. Từ đó, tác động lan tỏa của khu vực dịch vụ còn rất hạn chế; Nguyên nhân của những bất cập đó có nhiều nhưng trước hết cần phải xem xét vai trò nhà nước. Để góp phần làm rõ vai trò của nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng và đưa ra các giải pháp thực hiện tốt vai trò đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài luận án là: *Vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng.*

*Câu hỏi nghiên cứu của luận án:* Trong cơ chế thị trường, nhà nước có vai trò như thế nào trong phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương? Chính quyền thành phố Hải Phòng đã thực hiện vai trò đó như thế nào và cần phải tiếp tục thực hiện vai trò đó ra sao để phát triển hơn nữa khu vực dịch vụ?

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

***2.1. Mục tiêu nghiên cứu***

Từ việc làm rõ những hạn chế, bất cập và nguyên nhân trong thực hiện vai trò nhà nước phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng, luận án đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn vai trò nhà nước trong phát triển khu vực này.

***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Tổng quan tình hình nghiên cứu về phát triển các ngành dịch vụ và vai trò nhà nước trong phát triển các ngành dịch vụ để tìm ra những giá trị kế thừa và “khoảng trống” mà luận án cần giải quyết. Hệ thống hóa, bổ sung và hoàn thiện lý luận về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ trên trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Phân tích thực trạng vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng; chỉ ra những thành tựu, hạn chế, chỉ rõ nguyên nhân của hạn chế. Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm thực hiện đúng vai trò nhà nước nhằm phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu vai trò của chính quyền thành phố Hải Phòng trong phát triển khu vực dịch vụ dưới góc độ Kinh tế chính trị. Khu vực dịch vụ được nghiên cứu dưới góc độ ngành kinh tế, là một trong ba khu vực của nền kinh tế. Sự phát triển của khu vực này trước hết phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, các nguồn lực... Đồng thời, sự phát triển của khu vực dịch vụ còn chịu sự can thiệp, điều tiết của nhà nước. Điều đó có nghĩa là, phát triển khu vực dịch vụ phải đặt trong quan hệ giữa nhà nước và thị trường.

***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

*Thời gian nghiên cứu:* Giai đoạn 2007 – 2017. Đây là giai đoạn Việt Nam là thành viên chính thức của WTO và nền kinh tế có nhiều biến động phức tạp. Những năm đầu, kinh tế Hải Phòng nói riêng và nền kinh tế quốc gia nói chung chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Hải Phòng buộc phải tìm những hướng đi riêng để có thể bứt phá và tăng trưởng bền vững làm nảy sinh rất nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu, trong đó có khu vực dịch vụ. Các giải pháp đề xuất nhằm thực hiện đúng vai trò nhà nước giai đoạn 2019 - 2025, tầm nhìn 2035.

*Không gian nghiên cứu:* Tại thành phố Hải Phòng, bao gồm tất cả các quận, huyện. Sự phát triển khu vực dịch vụ của Hải Phòng còn có quan hệ với cả nước, trước hết là vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Hồng.

*Nội dung nghiên cứu*: Vai trò của chính quyền thành phố trong phát triển khu vực dịch vụ, tập trung vào các ngành: dịch vụ logistic, dịch vụ tài chính, dịch vụ thương mại và dịch vụ du lịch. Đây là những ngành dịch vụ mà Hải Phòng có nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển. Luận án không nghiên cứu phát triển dịch vụ công như hành chính công, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường...

4. Phương pháp nghiên cứu

***4.1. Phương pháp luận***

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu. Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử yêu cầu việc nghiên cứu về vai trò nhà nước trong phát triển dịch vụ ở thành phố Hải Phòng trước hết phải kế thừa những kết quả nghiên cứu của những người đi trước. Do vậy, tác giả đã tích cực trong việc tìm hiểu các tài liệu khoa học viết về phát triển các ngành dịch vụ cấp tỉnh cũng như vai trò nhà nước trong phát triển dịch vụ quốc gia. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu, luận án tiếp tục hoàn thiện khung lý luận để phân tích các vấn đề cơ bản ở các chương sau.

***4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng***

*4.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp*

Luận án sử dụng phương pháp phân tích trong cả 4 chương. Phân tích để phát hiện ra thuộc tính và bản chất của từng khía cạnh, và từ đó giúp chúng ta hiểu được đối tượng nghiên cứu một cách mạch lạc hơn, hiểu được cái chung phức tạp từ những yếu tố bộ phận ấy. Phương pháp tổng hợp được sử dụng để có được cái nhìn tổng thể về sự vật và hỗ trợ cho quá trình phân tích để tìm ra cái chung cái khái quát.

*4.2.2. Phương pháp logic và lịch sử*

Sử dụng phương pháp này đòi hỏi phải đảm bảo tính liên tục về thời gian, làm rõ điều kiện, đặc điểm phát sinh, phát triển từ thấp đến cao, làm rõ các mối quan hệ đa dạng trong di chuyển lao động quốc tế với các vấn đề khác liên quan đến nó. Đồng thời đặt quá trình phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng trong mối quan hệ tương tác qua lại giữa các chính sách quản lý của chính quyền cấp tỉnh.

*4.2.3. Phương pháp trừu tượng hóa khoa học*

Tác giả luận án đã phải loại bỏ những hiện tượng bề ngoài, những yếu tố ngẫu nhiên, những quan hệ không bản chất để tập trung vào những yếu tố và quan hệ bản chất của các sự vật và hiện tượng, vạch rõ mối liên hệ giữa bản chất và hiện tượng. Phát triển khu vực dịch vụ vừa phải dựa trên những nguyên lý chung mà cấp tỉnh nào cũng phải thực hiện, vừa phải tính đến đặc thù của từng cấp tỉnh; vừa phải tuân thủ khuynh hướng vận động, biến đổi tương lai của nó, đồng thời cần nhận thức rõ, có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng.

*4.2.4. Phương pháp quy nạp và diễn giải*

Từ những mô hình nghiên cứu về phát triển dịch vụ và vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh mà các nhà nghiên cứu công bố, luận án tổng kết quy nạp thành những nội dung thể hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh và xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả vai trò nhà nước trong lĩnh vực này. Ngoài ra, luận án còn xuất phát từ những giả thuyết và số liệu khảo sát thực tế để đi sâu nghiên cứu những năng lực cụ thể nhờ vậy mà có nhận thức sâu sắc hơn về đối tượng nghiên cứu bằng phương pháp diễn giải.

*4.2.5. Phương pháp thống kê mô tả*

Luận án sử dụng phương pháp này cho phép thông qua tất cả các số liệu thống kê mô tả về thực trạng vai trò của chính quyền thành phố Hải Phòng trong việc phát triển các ngành dịch vụ, những số liệu biểu thị tác động của các chính sách quản lý vĩ mô đối với sự phát triển khu vực dịch vụ của thành phố, vạch ra tính quy luật về quản lý kinh tế vĩ mô và hiệu quả của các chính sách quản lý.

*4.2.6. Phương pháp điều tra khảo sát*

Nghiên cứu sinh điều tra khảo sát ý kiến của các nhà quản lý, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ ở Hải Phòng về vai trò nhà nước trong phát triển lĩnh vực này ở cấp tỉnh. Kết quả khảo sát sẽ được nghiên cứu sinh tham khảo khi đánh giá vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng.

*4.2.7. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu*

- Nguồn số liệu thực hiện luận án: Nguồn số liệu thực hiện luận án được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau nhằm đạt mục tiêu nghiên cứu. Luận án sử dụng cả dữ liệu thứ cấp và sơ cấp.

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các niên giám thống kê, các báo cáo có liên quan đến các ngành dịch vụ tại Hải Phòng; các văn bản, quyết định liên quan đến phát triển dịch vụ tại thành phố Hải Phòng. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát các nhà quản lý trong chính quyền của thành phố Hải Phòng, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ ở đây. Trong đó, bảng hỏi khảo sát dành cho các nhà quản lý, cán bộ làm việc tại cơ quan quản lý hành chính của thành phố Hải Phòng sau khi thu thập, làm sạch là 255 mẫu. Bảng hỏi khảo sát dành cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tại thành phố Hải Phòng thu thập được 478 mẫu.

- Phương pháp xử lý số liệu: Luận án có hai hướng xử lý thông tin: (1) Xử lý logic đối với thông tin định tính, là việc đưa ra những phán đoán về bản chất của sự kiện; và (2) Xử lý toán học đối với các thông tin định lượng, là việc sử dụng phương pháp thống kê toán để xác định xu hướng, diễn biến của tập hợp số liệu thu thập được. Luận án phân tích để hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn, đánh giá tài liệu, quan sát, kiểm chứng để nghiên cứu, tổng kết, phân tích, đánh giá thực trạng các vấn đề cần nghiên cứu, xác định rõ những nguyên nhân làm cơ sở đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện vai trò chính quyền thành phố Hải Phòng trong phát triển dịch vụ của thành phố thời gian tới.

5. Kết quả nghiên cứu

*\* Về lý luận:* Luận án góp phần khái quát và bổ sung nghiên cứu về phát triển khu vực dịch vụ, vai trò của nhà nước trong phát triển dịch vụ ở cấp tỉnh.

*\* Về thực tiễn:* Luận án nghiên cứu, tìm hiểu và tổng hợp các kinh nghiệm thực tiễn đáng tin cậy trong và ngoài nước liên quan đến phát huy vai trò nhà nước trong phát triển dịch vụ cấp tỉnh; Phân tích thực trạng vai trò của chính quyền thành phố Hải Phòng trong phát triển các ngành dịch vụ thời gian qua; Chỉ ra những hạn chế, tìm hiểu nguyên nhân hạn chế trong các hoạt động quản lý của chính quyền thành phố Hải Phòng liên quan đến việc phát triển dịch vụ ở đây; Kiến nghị, đề xuất những giải pháp phát huy vai trò của chính quyền thành phố nhằm phát triển hiệu quả các ngành dịch vụ trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn tư liệu hữu ích đối với các nhà hoạch định chính sách quản lý vĩ mô nói chung, giúp ích cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách nhằm phát triển các ngành dịch vụ ở thành phố Hải Phòng nói riêng hiện nay và trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Những nghiên cứu về phát triển các ngành dịch vụ

Tầm quan trọng của phát triển dịch vụ đã được rất nhiều các nhà kinh tế học đề cập đến trong các tài liệu nghiên cứu như Wolfi. A năm 2005 đã đưa ra nghiên cứu về “Nền kinh tế dịch vụ tại các nước OECD”; Bosworth, Barry (2009) đã nghiên cứu về “Hoạt động của lĩnh vực dịch vụ tại các nước OECD” và phân tích về hoạt động của các ngành dịch vụ tại những nước phát triển. Khẳng định vai trò quan trọng của khu vực dịch vụ, nhiều nhà kinh tế học ở các nước đã gọi tên nền kinh tế mới là “kinh tế dịch vụ”, UNDP Report đã nghiên cứu một cách tổng thể về sự phát triển của khu vực kinh tế dịch vụ trong 20 năm qua, nêu lên một số thành tựu và những hạn chế, yếu kém của kinh tế dịch vụ; đồng thời đề xuất một số định hướng phát triển của khu vực này trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. DonghyunPark and Kwanho Shin (2012) đã phân tích khu vực dịch vụ ở Châu Á trong “The Service Sector in Asia: It an Engine of Growth?”. Eric Uwitonze, Almas Heshmati (2016) đã nghiên cứu sự phát triển khu vực dịch vụ ở một cấp tỉnh cụ thể là Rwanda trong “Service Sector Development and its Determinants in Rwanda” với các phân tích về thực trạng và đề xuất các giải pháp cho phát triển khu vực dịch vụ ở đây. Marcus Noland, Donghyun Park, and Gemma B. Estrada (2012) trong “Developing the Service Sector as Engine of Growth for Asia: An Overview” lại đặt vấn đề nghiên cứu về phát triển khu vực dịch vụ ở Châu Á, coi đó là “năng lượng” cho sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia ở đây. Các nhà nghiên cứu nước ngoài đã đặt khu vực dịch vụ trở thành trung tâm trong nền kinh tế quốc gia và coi việc phát triển kinh tế là phát triển kinh tế dịch vụ. Ở đây, các nhà kinh tế học đã phân tích kinh tế dịch vụ theo nhiều lát cắt khác nhau, chủ yếu tập trung vào vai trò và xu hướng phát triển của khu vực dịch vụ.

Các nhà nghiên cứu Việt Nam cũng quan tâm tới kinh tế dịch vụ và phát triển khu vực dịch vụ làm nền tảng cho phát triển kinh tế nói chung. Trần Hậu (2010), “Dịch vụ xã hội; một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 10 nêu lên một số quan điểm về dịch vụ, cách phân loại dịch vụ theo mục đích, theo chức năng, theo tính chất... nhưng không đề cập đến những giải pháp để phát triển các dịch vụ như cảng biển, dịch vụ du lịch. Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Ngọc Mạnh (2012), “Phát triển khu vực dịch vụ của Hoa Kỳ trong thập niên đầu thế kỷ XXI” mới chỉ đề xuất những giải pháp về chính sách phát triển dịch vụ của Việt Nam và một số giải pháp phát triển các ngành dịch vụ cụ thể như: Dịch vụ giáo dục đại học và sau đại học, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ khoa học và công nghệ, mà chưa đề cập đến dịch vụ cảng biển và dịch vụ du lịch biển, đảo. Xuân Hòa - Phương Thanh (2013), “Để trở thành cường quốc biển: Phát triển dịch vụ logistics” đã phân tích khá sâu sắc và chi tiết về lợi thế biển, đảo của Việt Nam và nêu một số giải pháp liên kết để giành lại thị phần dịch vụ cảng biển, quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam. Điều này khẳng định: phát triển các ngành dịch vụ chính là điều kiện nền tảng để tăng trưởng kinh tế nói chung, tạo ra bước nhảy cho những nước đang phát triển nói riêng để có thể nhanh chóng tiến kịp các nước khác trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày nay.

Như vậy, có một sự thống nhất cao ở các nghiên cứu trong và ngoài nước về phát triển các ngành dịch vụ. Với những lợi ích mà dịch vụ mang lại, các quốc gia nói chung, các cấp tỉnh nói riêng cần phải có những chính sách phát triển phù hợp để khai thác hết lợi thế cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao trong tăng trưởng kinh tế.

1.2. Những nghiên cứu về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ

Tại Việt Nam, có một số công trình nghiên cứu về vấn đề này như bài viết “Đổi mới nội dung hoạt động của các cấp chính quyền địa phương trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế” (Nguyễn Ký và cộng sự, 2006). Các tác giả tập trung phân tích làm rõ vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Cecilia Ugaz (2011) chỉ phân tích về vai trò nhà nước trong phát triển dịch vụ công trong tác phẩm ‘The Role of the State in the Provision of Social Services: Decentralization and Regulation”. Ở đây, tác giả có phân tích hoạt động của cơ quan nhà nước khi cung cấp các dịch vụ công. Tuy nhiên, đây mới chỉ là một ngành trong khu vực dịch vụ cần sự can thiệp của nhà nước để trở nên hiệu quả hơn. Margitta Mätzke (2018) cũng phân tích về vai trò Nhà nước trong phát triển dịch vụ xã hội là những dịch vụ mà Nhà nước thường đứng ra cung cấp trong ‘The role of the state in the development of social services” …

Với việc tổng quan một số nghiên cứu về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ, có thể thấy các nhà nghiên cứu nước ngoài thường nghiên cứu vai trò nhà nước trong phát triển một số ngành dịch vụ cụ thể chứ gần như không đặt vấn đề nghiên cứu về vai trò nhà nước trong phát triển toàn bộ khu vực dịch vụ. Bên cạnh đó, vai trò nhà nước thường thể hiện ở những dịch vụ công cộng để giải quyết những khiếm khuyết của nền kinh tế thị trường.

Với quan điểm chính quyền cấp tỉnh là cơ quan thể hiện vai trò nhà nước trong phát triển kinh tế cấp tỉnh, cũng có một số tác giả nghiên cứu về hoạt động của chính quyền cấp tỉnh trong phát triển các ngành dịch vụ. Tuy nhiên, không tìm thấy nghiên cứu trong nước về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở một cấp tỉnh cụ thể mà chỉ trong một ngành dịch vụ cụ thể như: Nguyễn Mạnh Cường (2015) nghiên cứu về “Vai trò của chính quyền cấp tỉnh cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình”. Nguyễn Văn Hiển (2016) nghiên cứu về “Phát triển thương mại ở tỉnh Quảng Trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.... Các bài nghiên cứu đề cập tới các hoạt động chính quyền cấp tỉnh cũng như đề xuất các giải pháp cho chính quyền cấp tỉnh nhằm phát triển ngành thương mại…

Nhiều nghiên cứu về chiến lược phát triển khu vực dịch vụ ở các cấp tỉnh hoặc chính sách phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh được thực hiện. Điển hình có như: “Chương trình phát triển dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015”, “Chiến lược phát triển dịch vụ thành phố Đà Nẵng”… hay chiến lược phát triển một số ngành dịch vụ cụ thể: “Chiến lược phát triển thương mại trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay” của Nguyễn Văn Tuấn (2002) hay “Xây dựng chiến lược phát triển thương mại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030” của Vũ Thị Lộc (2018)… Trong mỗi tài liệu, các cấp tỉnh đều có sự phân tích rất kỹ càng về điều kiện thực tiễn, lợi thế so sánh, quan điểm về phát triển khu vực dịch vụ và các giải pháp thực hiện. Đây là những tài liệu có tính chất tham khảo cho các nghiên cứu sâu hơn về vai trò nhà nước trong phát triển dịch vụ cấp tỉnh. Tuy nhiên, có thể nhận thấy gần như không có nghiên cứu về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh.

1.3. Những nghiên cứu về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ tại Hải Phòng

Hải Phòng là một trong những thành phố lớn của Việt Nam với những điều kiện thuận lợi cho phát triển dịch vụ đặc biệt là dịch vụ cảng biển, dịch vụ du lịch, thương mại... Năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố đã đưa ra đề án “Quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ thành phố Hải Phòng đến năm 2020”.Ngoài ra, vai trò của chính quyền thành phố còn thể hiện ở những chính sách cụ thể về phát triển những ngành dịch vụ đặc thù như chính sách phát triển du lịch, chính sách phát triển ngành logistic. Những chính sách này được áp dụng trong giai đoạn từ 2006 – 2010 và đến giờ đã trở nên “cũ”. Chỉ có ít ỏi các nhà nghiên cứu có đề cập đến vai trò của chính quyền cấp tỉnh đối với phát triển các ngành dịch vụ ở Hải Phòng như: “Phát triển kinh tế biển ở Hải Phòng” của Quách Thị Hà (2013). Nguyễn Quốc Tuấn (2015) với “Quản lý nhà nước đối với dịch vụ Logistics ở cảng Hải Phòng” thì tập trung phân tích các hoạt động quản lý nhà nước đối với một ngành dịch vụ cụ thể ở Hải Phòng là logistics. Một số nghiên cứu khác tập trung về phát triển các ngành dịch vụ ở Hải Phòng và gián tiếp đặt vấn đề về vai trò của chính quyền cấp tỉnh như: “Thị trường dịch vụ Hải Phòng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế” của Phạm Thị Thúy (2008). Như vậy, có thể thấy, chưa có nghiên cứu nào đề cập trực tiếp tới vấn đề vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng. Những nghiên cứu liên quan chỉ đề cập ở vài vấn đề hoặc khía cạnh nhỏ.

Tóm lại, sau khi tổng quan các nghiên cứu có liên quan, có thể rút ra kết luận: phát triển dịch vụ là một tất yếu khách quan và là chìa khóa cho sự phát triển bền vững của một quốc gia nói chung và ở cấp tỉnh (cụ thể là ở thành phố Hải Phòng) nói riêng. Để có thể phát triển khu vực dịch vụ hiệu quả, khai thác hết lợi thế so sánh, chính quyền cấp tỉnh cần phải có những biện pháp quản lý vĩ mô phù hợp. Hiện nay, những hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về phát triển các ngành dịch vụ ở Hải Phòng đã trở nên “cũ” trong bối cảnh hội nhập kinh tế với nhiều biến động. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có nghiên cứu mới về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng để có thể khắc phục những bất cập đang có và thúc đẩy khu vực dịch vụ của Hải Phòng phát triển xứng tầm của một thành phố trực thuộc Trung ương.

1.4. Nhận xét về các kết quả nghiên cứu và các khoảng trống

1.4.1 Những kết quả đạt được

*\* Về lý luận: C*ác tài liệu nghiên cứu đã giúp nghiên cứu sinh xác định được hệ thống một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển khu vực dịch vụ bắt đầu từ vai trò của khu vực dịch vụ trong nền kinh tế, tính tất yếu của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế với tỷ trọng khu vực dịch vụ ngày càng tăng; chỉ rõ vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế nói chung và phát triển từng lĩnh vực kinh tế cụ thể nói riêng; chỉ ra những hoạt động cần thiết mà chính quyền cấp tỉnh cần thực hiện để phát triển kinh tế nói chung và kinh tế dịch vụ nói riêng.

*\* Về thực tiễn:* Khắc họa rất đầy đủ về thực trạng một số ngành dịch vụ mũi nhọn ở thành phố Hải Phòng và các nỗ lực của chính quyền cấp tỉnh trong việc phát triển các ngành dịch vụ trong nền kinh tế; chính quyền cấp tỉnh còn xây dựng các chính sách riêng để kiểm soát và phát triển các ngành dịch vụ cụ thể, đặc biệt là những ngành dịch vụ mũi nhọn; đưa ra nhiều khuyến nghị khả thi để các nhà quản lý nhà nước nói chung, chính quyền cấp tỉnh nói riêng đưa ra chiến lược, chính sách nhằm phát triển các ngành dịch vụ hoặc toàn khu vực dịch vụ, đồng thời hướng tới mục tiêu chung của toàn nền kinh tế.

1.4.2. Các khoảng trống

*1.4.2.1. Về lý luận:* Chưa có lý luận đầy đủ về phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh dựa trên nền tảng điều kiện khách quan và chủ quan đặc thù của cấp tỉnh trong mối quan hệ tương quan với các vùng, lãnh thổ xung quanh, chưa xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá về sự phát triển của khu vực dịch vụ; chưa có khái niệm về phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh; chưa có khung lý thuyết về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh với các hoạt động rõ ràng của chính quyền cấp tỉnh làm nền tảng nghiên cứu về thực tiễn; chưa có lý thuyết về đánh giá vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh.

*1.4.2.2. Về thực tiễn: C*hưa có những nghiên cứu mà đối tượng chỉ tập trung vào vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh; chưa có nghiên cứu đưa ra một cái nhìn tổng thể về sự phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng; chưa có những nghiên cứu đầy đủ về vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng cũng như các giải pháp để chính quyền cấp tỉnh thực hiện nhằm thúc đẩy khu vực dịch vụ của Hải Phòng phát triển một cách đồng bộ, thống nhất, phù hợp với điều kiện đặc thù của thành phố.

Tóm lại, sau khi tổng hợp tất cả những nghiên cứu có liên quan được thực hiện trong thời gian qua, tác giả nhận thấy vẫn còn khía cạnh chưa được khai thác và đã lựa chọn đề tài *“Vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng”* để có được sự nghiên cứu một cách sâu rộng về vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong phát triển khu vực dịch vụ với mục đích có thể ứng dụng nghiên cứu trong quản lý và thúc đẩy hoạt động này ở Hải Phòng nói riêng và ở các tỉnh thành khác nói chung một cách phù hợp và hiệu quả nhất. Luận án cũng không trùng với bất kỳ đề tài nghiên cứu nào đã có.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

2.1. Khái niệm khu vực dịch vụ và phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh, thành phố

2.1.1. Khái niệm khu vực dịch vụ

Dịch vụ là những hoạt động mang tính xã hội, tạo ra những sản phẩm hàng hoá không tồn tại dưới hình thái vật thể nhằm thoả mãn kịp thời, thuận lợi, hiệu quả hơn các nhu cầu trong sản xuất và đời sống của con người. Khu vực dịch vụ là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân, bao gồm hệ thống các ngành dịch vụ tạo ra những sản phẩm hàng hóa có giá trị, có mối quan hệ tương hỗ với khu vực nông nghiệp và công nghiệp và có ảnh hưởng đến sự phát triển của cả nền kinh tế.

2.1.2. Đặc điểm khu vực dịch vụ

Thứ nhất,sản phẩm của khu vực dịch vụ là hàng hoá đặc biệt. Thứ hai, các sản phẩm dịch vụ khi tiêu dùng không dẫn đến việc chuyển quyền sở hữu. Thứ ba, sản xuất và tiêu dùng dịch vụ có tính không tách rời về thời gian. Thứ tư,sản phẩm dịch vụ có tính không lưu trữ được. Thứ năm, các sản phẩm dịch vụ có tính không ổn định và khó xác định chất lượng. Thứ sáu,thông tin ở thị trường dịch vụ thường không đối xứng. Thứ bảy,nhu cầucác sản phẩm dịch vụ tăng nhanh. Thứ tám,khu vực dịch vụ có khả năng phát triển nhanh, đóng góp lớn cho nền kinh tế.

2.1.3. Vai trò của khu vực dịch vụ trong phát triển kinh tế - xã hội

*2.1.3.1. Nâng cao hiệu quả của nền kinh tế*

Khu vực dịch vụ ít phụ thuộc vào tự nhiên, năng suất và hiệu quả rất cao nên khu vực này chiếm tỷ trọng càng lớn, nền kinh tế càng ít phụ thuộc vào tự nhiên, năng suất và hiệu quả càng cao. Trong nền kinh tế hiện đại, khu vực I và II sử dụng nhiều sản phẩm của khu vực dịch vụ (dịch vụ tài chính – ngân hàng, dịch vụ logichstic, dịch vụ thương mại…). Do đó, khu vực dịch vụ phát triển sẽ tác động đến trực tiếp đến việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của khu vực I và II.

*2.1.3.2. Thúc đẩy các khu vực kinh tế khác phát triển*

Đối với nông nghiệp và kinh tế nông thôn, dịch vụ đóng vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ trong việc nâng cao năng suất, chất lượng của các sản phẩm nông nghiệp, làm thay đổi các mô hình sản xuất nông nghiệp, mà còn giúp mở rộng thị trường nông sản, đa dạng hoá cơ cấu ngành, nghề ở nông thôn, nâng cao đời sống của người nông dân.

*2.1.3.3. Góp phần đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế*

Trong những năm qua, các dịch vụ đã hiện diện ngày càng tăng trong các hoạt động kinh tế quốc tế, kể cả thương mại, đầu tư cũng như hoạt động của các công ty xuyên quốc gia. Điều đó có nghĩa là vai trò của khu vực dịch vụ trong toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng tăng.

*2.1.3.4. Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và phát triển con người*

Cạnh tranh quốc tế về dịch vụ đã chuyển từ cạnh tranh giá cả sang cạnh tranh chất lượng và khả năng linh hoạt. Chất lượng của nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng hàng đầu để nâng cao năng lực cạnh tranh. Do đó, sự phát triển của nền kinh tế nói chung, khu vực dịch vụ nói riêng đòi hỏi phải không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

*2.1.3.5. Tạo việc làm, giảm nghèo và thúc đẩy phát triển xã hội*

Dịch vụ là lĩnh vực tạo nhiều việc làm nhất hiện nay trong nền kinh tế. Trong thời gian qua, tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực dịch vụ đã tăng lên đều đặn ở tất cả các khu vực trên thế giới. Khu vực dịch vụ cũng đóng vai trò quan trọng trong xóa đói giảm nghèo và phát triển xã hội. Nhiều ngành dịch vụ tác động trực tiếp đến phát triển xã hội, nhất là những ngành có liên quan nhiều nhất đến các yếu tố xã hội. Những dịch vụ này phát triển lành mạnh giúp cho xã hội phát triển lành mạnh.

2.2. Phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh trong cơ chế thị trường

2.2.1. Khái niệm

Phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh là tìm cách phát huy các mặt mạnh, tìm kiếm và tạo ra những thế mạnh mới, tạo ra các giá trị gia tăng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh... liên quan đến các hoạt động của lĩnh vực dịch vụ trên địa bàn; sự thay đổi các yếu tố và thái độ của các tác nhân trong từng thời điểm nhất định. Phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh là việc đề ra cho lãnh thổ vùng địa phương chiến lược phát triển các ngành dịch vụ được bảo đảm thực thi bởi chính sách phát triển dựa trên lợi thế.

2.2.2. Các điều kiện phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

*2.2.2.1. Nhu cầu dịch vụ*

Nhu cầu dịch vụ bao gồm nhu cầu về các loại hình dịch vụ; quy mô và sự tăng trưởng của cầu. Nhu cầu dịch vụ càng lớn, phát triển khu vực dịch vụ càng thuận lợi. Nhu cầu về về các loại hình dịch vụ trực tiếp ảnh hưởng đến độ lớn và cấu trúc của thị trường dịch vụ. Các loại hình dịch vụ càng đa dạng, phong phú, khu vực dịch vụ càng có điều kiện để phát triển, làm cho cầu thị trường dịch vụ càng lớn.

*2.2.2.2. Các nguồn lực*

Các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh khu vực dịch vụ cũng như các khu vực khác bao gồm điều kiện tài nguyên thiên nhiên, đất đai, lao động, vốn và cơ sở hạ tầng. Mỗi địa phương được thừa hưởng những tài nguyên cấu thành nên các yếu tố đầu vào khác nhau. Những yếu tố này tạo nên khả năng cạnh tranh cơ bản cho mỗi địa phương hay khu vực dịch vụ trên cơ sở lợi thế tuyệt đối hoặc lợi thế so sánh với các địa phương khác.

*2.2.2.3. Tổ chức cung ứng dịch vụ theo yêu cầu của thị trường*

Sản phẩm dịch vụ chỉ có thể đi vào tiêu dùng khi chúng được người tiêu dùng sử dụng và trả tiền. Do đó, các dịch vụ phải có chất lượng ngày càng cao, quy mô phù hợp với nhu cầu và được cung ứng một cách thuận tiện, nhanh chóng và an toàn nhất cho người tiêu dùng. Như vậy, tổ chức cung ứng dịch vụ theo yêu cầu của thị trường trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của khu vực dịch vụ.

*2.2.2.4. Sự hài hòa về lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ*

Sự hài hòa về lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ sẽ tạo động lực cho sự phát triển của khu vực dịch vụ. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường, các lợi ích kinh tế không chỉ có sự thống nhất, mà còn có không ít mâu thuẫn. Nếu các mâu thuẫn không được khắc phục hoặc xử lý không hợp lý có thể trở thành trở ngai cho sự phát triển khu vực dịch vụ.

2.2.3. Quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

*2.2.3.1. Các chủ thể chủ yếu trong khu vực dịch vụ*

Trên thị trường dịch vụ, các chủ thể kinh tế chủ yếu là: các doanh nghiệp, người dân, nhà nước… Các chủ thể này có thể vừa cung ứng, vừa sử dụng dịch vụ. Bên cạnh đó còn có các chủ thể có liên quan. Đó là người dân và các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhưng sử dụng các sản phẩm dịch vụ hoặc cung ứng các đầu vào cho ngành dịch vụ: y tế, giáo dục…

*2.2.3.2. Sự thống nhất và mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể*

Khi khu vực dịch vụ phát triển, những chủ thể được hưởng lợi sẽ có sự thống nhất về lợi ích kinh tế. Như vậy, đa số các chủ thể tham gia thị trường sẽ được hưởng lợi. Mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ tập trung ở việc phân chia lợi ích. Tại mỗi thời điểm, tổng lợi ích (biểu hiện bằng tổng thu nhập) trên thị trường là xác định. Nếu lợi ích kinh tế (thu nhập) của chủ thể này tăng lên thì lợi ích kinh tế của chủ thể khác sẽ giảm xuống.

2.3. Ưu việt và khuyết tật của kinh tế thị trường trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

2.3.1. Những ưu việt

Thứ nhất, kinh tế thị trường rất năng động. Thứ hai, kinh tế thị trường cho phép mở rộng quy mô huy động các nguồn lực. Thứ ba, kinh tế thị trường duy trì động lực mạnh mẽ để phát triển khu vực dịch vụ. Thứ tư, kinh tế thị trường loại bỏ được nhanh chóng những nhân tố lạc hậu, không hiệu quả; khuyến khích được nhân tố tích cực, hiệu quả.

2.3.2. Những khuyết tật

Thứ nhất, sau khi tiêu dùng người tiêu dùng mới biết được chất lượng dịch vụ. Thứ hai, tính bất ổn của thị trường dịch vụ. Thứ ba, để cung ứng dịch vụ đòi hỏi phải có kết cấu hạ tầng dịch vụ đa dạng, đồng bộ và hiện đại. Thứ tư, các yếu tố ngoại ứng, cả tích cực và tiêu cực ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của khu vực dịch vụ. Thứ năm, mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ.

2.4. Vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

2.4.1. Khái niệm

Vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh là sự can thiệp của nhà nước, trước hết là chính quyền cấp tỉnh bằng các công cụ pháp luật, kinh tế, hành chính nhằm phát huy ưu việt, khắc phục khuyết tật của kinh tế thị trường; định hướng, điều tiết sự phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.4.2. Nội dung thực hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

*2.4.2.1. Xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ*

Thứ nhất, chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh phải phù hợp quy hoạch và chiến lược phát triển khu vực dịch vụ quốc gia bởi khu vực dịch vụ của cấp tỉnh là một phần của nền kinh tế quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội chung. Thứ hai, phát huy lợi thế so sánh trong phát triển vùng, địa phương. Thứ ba, quy hoạch và chiến lượcphát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh phải đảm bảo hài hoà giữa các khu vực nông nghiệp, công nghiệp theo định hướng tổ chức không gian kinh tế và đô thị trên địa bàn và đảm bảo liên kết trong phát triển vùng. Thứ tư, quy hoạch và chiến lượcphát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh phải dựa trên thành tựu về khoa học, công nghệ và đảm bảo môi trường sinh thái. Thứ năm, quy hoạch và chiến lượcphát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh tạo ảnh hưởng lan toả tới các khu vực kinh tế khác. Thứ sáu, quy hoạch và chiến lượcphát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh góp phần xây dựng "thương hiệu" địa phương. Thứ bảy, quy hoạch và chiến lượcphát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn cấp tỉnh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Thứ tám, quy hoạch và chiến lược phát triển khu vực dịch vụ phải đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ.

*2.4.2.2. Xây dựng và thực thi chính sách phát triển khu vực dịch vụ*

Thứ nhất, chính sách thu hút đầu tư phát triển khu vực dịch vụ. Thứ hai, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ. Thứ ba, chính sách phát triển các loại hình dịch vụ. Thứ tư, chính sách phát triển thị trường dịch vụ. Thứ năm, chính sách đổi mới công nghệ, trang thiết bị trong lĩnh vực dịch vụ. Thứ sáu, chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực dịch vụ. Thứ bảy, chính sách liên kết, hợp tác trong phát triển khu vực dịch vụ. Thứ tám, chính sách hoàn thiện quản lý nhà nước đối với khu vực dịch vụ*.*

*2.4.2.3. Điều hành các hoạt động phát triển khu vực dịch vụ*

Thứ nhất, chính quyền cấp tỉnh thực hiện đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và kinh tế - xã hội. Thứ hai, chính quyền cấp tỉnh tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Thứ ba, khuyến khích ứng dụng công nghệ, mô hình kinh doanh hiện đại, giảm thiểu rủi ro kinh doanh. Thứ tư, chính quyền cấp tỉnh chủ động thực hiện hợp tác trong nước và quốc tế, tạo mối quan hệ tốt cho thị trường dịch vụ phát triển.

*2.4.2.4. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và hoàn thiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển khu vực dịch vụ*

Vì các lý do khách quan và chủ quan, việc xây dựng và thực thi quy hoạch, chiến lược, chính sách không thể hoàn hảo, có nhiều hạn chế, khuyết điểm. Do đó, việc thanh tra, kiểm tra đối với phát triển các ngành dịch vụ phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Chính quyền cấp tỉnh phải thực hiện kiểm tra kiểm soát giá các sản phẩm dịch vụ và các chi phí đầu vào trong sản xuất, kiểm tra kiểm soát việc sử dụng các yếu tố đầu vào, lao động nông nghiệp, chất lượng các sản phẩm dịch vụ... để đảm bảo cho sự vững bền của thị trường.

2.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

*2.4.3.1. Năng lực nhận thức và hành động của chính quyền cấp tỉnh*

Chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh phù hợp với thực tế đến mức độ nào; việc thực thi tốt hay không trước hết và chủ yếu phụ thuộc vào năng lực của chính quyền cấp tỉnh. Vì vậy, nâng cao năng lực của chính quyền cấp tỉnh trở thành điều kiện tiên quyết để phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh.

*2.4.3.2. Tính phù hợp, hiệu lực, hiệu quả của chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển khu vực dịch vụ*

Các hệ thống văn bản pháp quy nếu có tính khả thi, tính minh bạch cao và sát với thực tiễn trong từng giai đoạn của mỗi quốc gia và địa phương là cơ sở cho việc thực hiện tốt vai trò nhà nước đối với phát triển khu vực dịch vụ. Ngược lại - sẽ gây cản trở cho phát triển khu vực này.

*2.4.3.3. Chất lượng nguồn nhân lực khu vực dịch vụ*

Chất lượng nguồn nhân lực nguồn nhân lực khu vực dịch vụ càng cao, việc tham gia thực hiện các quy hoạch, chiến lược, chính sách của nhà nước càng thuận lợi. Do đó, để thực hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ, chính quyền cấp tỉnh còn phải quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực của khu vực dịch vụ nói riêng.

*2.4.3.4. Mức độ hội nhập của quốc gia vào các tổ chức kinh tế liên quan đến khu vực dịch vụ*

Hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có hội nhập về dịch vụ là tất yếu khách quan. Quá trình đó có thể đem lại lợi ích to lớn cho phát triển khu vực dịch vụ. Đó là tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài, học hỏi kinh nghiệm, mở rộng thị trường… Đồng thời, hội nhập quốc tế sẽ làm cạnh tranh trong khu vực dịch vụ ngày càng gay gắt. Đồng thời, các mặt trái của hội nhập sẽ xuất hiện và ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của khu vực này. Điều đó sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ.

2.4.4. Tiêu chí đánh giá vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

*2.4.4.1. Mức độ phù hợp của chiến lược, kế hoạch và các chính sách phát triển khu vực dịch vụ*

Chiến lược phát triển khu vực dịch vụ của mỗi vùng, địa phương được hoạch định dựa trên việc phân tích bối cảnh, các nguồn lực của cấp tỉnh. Việc đánh giá cần phải tiến hành xem xét các mối quan hệ ưu tiên, các chính sách có liên quan của vùng và các mối quan hệ tương tác giữa các chính sách.

*2.4.4.2. Năng lực tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch chính sách phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh*

Tiêu chí này liên quan đến vấn đề chất lượng quản lý, dựa trên cơ sở vận dụng từng chương trình hay nhóm những chương trình đã đề ra để hỗ trợ nhằm đạt mục tiêu đã đề ra như: thu hút và nuôi dưỡng các doanh nghiệp một cách linh hoạt và sáng tạo. Đánh giá này dựa trên cơ sở quản lý tốt và có hiệu quả các nguồn lực.

*2.4.4.3. Tốc độ phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh và tác động của nó đến phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh*

Vai trò nhà nước được thể hiện rõ nhất là sự tăng trưởng của khu vực dịch vụ cả về chiều rộng và chiều sâu. Nếu kết quả đánh giá cho thấy khu vực dịch vụ ngày càng mở rộng, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh nói riêng, của đất nước nói chung thì có thể kết luận chính quyền cấp tỉnh đã thể hiện đúng vai trò của mình trong phát triển khu vực dịch vụ. Ngược lại, vai trò của chính quyền còn mờ nhạt, cần tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

*2.4.4.4. Mức độ hài hòa về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ*

Lợi ích kinh tế vừa là động lực, vừa là mục tiêu của các hoạt động kinh tế. Bởi vậy, sự hài hòa về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ vừa cho thấy kết quả của sự phát triển của khu vực dịch vụ, vừa cho thấy khả năng phát triển bền vững của khu vực này trong tương lai.

2.5. Kinh nghiệm phát huy vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

2.5.1. Kinh nghiệm thành phố Đà Nẵng

*2.5.1.1. Xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ*

Thành phố không thực hiện quy hoạch tổng thể về phát triển khu vực dịch vụ nhưng lại xây dựng nhiều đề án phát triển dịch vụ. Ngoài ra trong quy hoạch tổng thể phát triển thành phố từng thời kỳ, Đà Nẵng có lồng ghép quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ. Nhìn chung, các kế hoạch phát triển khu vực dịch vụ của Đà Nẵng tập trung chủ yếu vào những ngành mũi nhọn phát huy thế mạnh thành phố như du lịch, thương mại, logistics và tài chính – ngân hàng.

*2.5.1.2. Xây dựng và thực thi chính sách phát triển khu vực dịch vụ*

Để phát triển khu vực dịch vụ, thành phố Đà Nẵng đã xây dựng và thực thi một loạt các chính sách khác nhau như: Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng, chính sách thu hút đầu tư, chính sách phát triển kinh tế tư nhân, chính sách phát triển nguồn nhân lực.

*2.5.1.3. Điều hành hoạt động phát triển khu vực dịch vụ*

Thành phố đã xác định nhiệm vụ xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm thương mại – dịch vụ của khu vực, trong đó, tập trung vào các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch, logistic và thương mại. Thành phố cũng đưa ra những hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch, thương mại. Phát triển logistic cũng được thành phố hết sức quan tâm với định hướng rõ ràng

*2.5.1.4. Thanh tra, kiểm tra khu vực dịch vụ*

Thành phố đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng; tập trung kiểm tra ở những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm, tiêu cực, địa bàn có vấn đề nổi cộm, bức xúc. Công tác thanh tra, kiểm tra chủ yếu tập trung ở lĩnh vực thuế.

2.5.2. Kinh nghiệm thành phố Hà Nội

*2.5.2.1.* *Xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ*

Cũng như Đà Nẵng, thành phố Hà Nội chỉ có quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhưng không có quy hoạch riêng cho phát triển khu vực dịch vụ. Tuy nhiên, thành phố có một số quy hoạch riêng cho một số ngành dịch vụ mũi nhọn. Các quy hoạch này thường tập trung vào việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở.

*2.5.1.2. Xây dựng và thực thi chính sách phát triển khu vực dịch vụ*

Để phát triển khu vực dịch vụ, thành phố Hà Nội đã xây dựng và thực thi một loạt các chính sách khác nhau như: Chính sách thu hút đầu tư, chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách khuyến khích phát triển thị trường dịch vụ, chính sách phát triển doanh nghiệp, tăng cường năng lực quản lý nhà nước đối với các ngành dịch vụ.

*2.5.1.3. Điều hành hoạt động phát triển khu vực dịch vụ*

Bao gồm: phát triển thương mại và phát triển dịch vụ du lịch

*2.5.1.4. Thanh tra, kiểm tra khu vực dịch vụ*

Hàng năm, thành phố đều có kế hoạch thanh tra, kiểm tra các ngành kinh tế, trong đó có các ngành thuộc khu vực dịch vụ, hướng tới việc thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát thị trường và hoạt động kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, logictics trong các khâu, kết hợp kiểm tra với hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện các quy trình, điều kiện kinh doanh đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định; xử lý nghiêm các vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

2.5.3. Bài học kinh nghiệm trong phát huy vai trò nhà nước nhằm phát triển khu vực dịch vụ cho thành phố Hải Phòng

*2.5.3.1. Bài học thành công*

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ phát huy tiềm năng, thế mạnh hay lợi thế cạnh tranh của thành phố; thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ phụ trợ làm nền tảng cho phát triển khu vực dịch vụ nói chung và các ngành dịch vụ mũi nhọn nói riêng; đa dạng hoá sản phẩm của từng ngành dịch vụ nhất là các ngành dịch vụ mũi nhọn; thu hút đầu tư bằng các chính sách phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ, xúc tiến đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chú trọng phát triển và đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

*2.5.3.2. Bài học hạn chế*

Hai thành phố chưa có quy hoạch tổng thể cho phát triển khu vực dịch vụ và cập nhật đến thời điểm hiện tại; công tác thanh tra, kiểm tra mới dừng lại ở việc xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu mà chưa tập trung nhiều vào hoạt động của các doanh nghiệp trong từng lĩnh vực dịch vụ; còn ít những văn bản quy phạm làm căn cứ cho công tác triển khai phát triển khu vực dịch vụ cụ thể cũng như thanh tra, kiểm tra…

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN

KHU VỰC DỊCH VỤ Ở HẢI PHÒNG

3.1. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

*3.1.1.1. Vị trí địa kinh tế của Hải Phòng*

Hải Phòng là một thành phố ven biển, thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Phía Bắc, cách thủ đô Hà Nội 102 km. Hải Phòng nằm trên nhiều trục đường giao thông đường bộ, đường sắt và đường biển quan trọng của cả nước và quốc tế, có cảng biển, sân bay, và mạng lưới giao thông khá đồng bộ. Hải Phòng là cửa ngõ ra biển chính của vùng châu thổ sông Hồng, là cửa ra biển ngắn nhất và thuận lợi nhất của Thủ đô Hà Nội, có vị trí chiến lược rất quan trọng đối với cả nước và vùng Bắc bộ.

*3.1.1.2. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên*

Tổng diện tích tự nhiên của Hải Phòng là 156.175,5 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm khoảng 32,48%, đất lâm nghiệp là 12,34%. Hải Phòng có tiềm năng khai thác hải sản với 3 ngư trường lớn là Bạch Long Vĩ, Long Châu và Cát Bà. Hải Phòng không có nhiều tiềm năng về tài nguyên rừng. Tuy nhiên, Hải Phòng hiện có rừng quốc gia Cát Bà có tầm quan trọng trong bảo tồn các loài động, thực vật và phát triển du lịch. Các nguồn khoáng sản cho phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh không nhiều, các nguồn nông sản cho phát triển công nghiệp chế biến quan trọng nhất là nguyên liệu thuỷ sản và một số sản phẩm chăn nuôi. Hải Phòng có rất nhiều tiềm năng để phát triển các ngành dịch vụ như: Phát triển du lịch, phát triển cảng biển và vận tải…

3.1.2. Tình hình kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP của Hải Phòng, tính theo giá so sánh 2010, trong giai đoạn 2011 – 2017 tăng bình quân 9,77%/năm. Riêng năm 2016 và 2017, tốc độ tăng trưởng GDP là khoảng 14% (năm 2107 đạt 14,01%) cao nhất trong giai đoạn này. Trong đó, tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp, xây dựng là 19,94% /năm, tiếp đến khu vực dịch vụ tăng 11,71% /năm và khu vực nông nghiệp tăng 2,92% /năm. GDP bình quân đầu người (tính theo giá so sánh 2010) tăng từ 32,674 triệu đồng/người năm 2010 lên 66,685 triệu đồng/người năm 2016, tăng bình quân 12,77% /năm trong giai đoạn 2010 – 2017.

3.1.3. Nguồn nhân lực

Hải Phòng có số dân lớn thứ 4 trong vùng đồng bằng sông Hồng, bằng 9,4% dân số vùng đồng bằng sông Hồng. Do tốc độ tăng dân số thấp, tỷ lệ dân số Hải Phòng là 2,11% trong tổng dân số cả nước. Năm 2016, lực lượng dân số trong độ tuổi lao động chiếm 57,13% tổng dân số.

3.1.4. Kết cấu hạ tầng

*- Giao thông:* Hải Phòng là một đầu mối giao thông quan trọng với nhiều loại hình giao thông, bao gồm đường biển, đường sắt, đường không, đường sông, đường bộ, trực tiếp liên hệ với các vùng khác trong và ngoài nước.

- *Cấp nước*: Các trạm cấp nước cho thành phố gồm: An Dương, Cầu Nguyệt, Vật Cách, Sông He. Tổng công suất các trạm cấp nước Hải Phòng là 175.000m3 /ngày đêm.

- *Cấp điện*: Nguồn điện cấp cho Hải Phòng từ các trạm giảm áp gồm Đồng Hoà, Lạch Tray, Cửa Cấm. Tổng công suất các trạm cấp điện là: 107 x 103KVA.

*- Thông tin liên lạc:* Trên địa bàn có 5 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thông tin liên lạc.

3.1.5. Đánh giá các điều kiện phát triển khu vực dịch vụ Hải Phòng

Theo các cấp lãnh đạo và cán bộ ở các cơ quan quản lý Nhà nước thì nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất tới sự phát triển của khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng chính là vai trò của chính quyền thành phố với mức điểm trung bình đánh giá là 4,3. Với nhận thức như vậy, trong những năm gần đây, chính quyền thành phố đã có những nỗ lực trong việc tăng cường vai trò nhà nước cũng như cải thiện môi trường kinh doanh để thúc đẩy khu vực dịch vụ phát triển.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến sự phát triển lại là nhân tố bên trong như năng lực của chủ doanh nghiệp hay sự hài hoà quan hệ chủ - thợ. Những điều kiện thị trường, sự hỗ trợ của chính quyền thành phố hay sự liên kết của các doanh nghiệp cũng được đánh giá cao về mức độ ảnh hưởng.

*3.1.5.1. Các lợi thế trong phát triển các ngành dịch vụ của Hải Phòng*

Trước hết, vị trí địa - kinh tế là một lợi thế quan trọng trong phát triển các ngành dịch vụ nói chung. Thứ hai, nhiều điều kiện tự nhiên có thể huy động cho phát triển một số ngành dịch vụ Thứ ba, lực lượng lao động dồi dào, cần cù và có khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ. Thứ tư, đô thị có quy mô lớn và có bề dày phát triển cùng với điều kiện kết cấu hạ tầng đô thị đã sớm được hình thành tương đối đồng bộ. Thứ năm, những điều kiện cơ bản như: Mật độ dân số, tỷ lệ dân thành thị cao; tỷ lệ lao động trong độ tuổi, đang hoạt động kinh tế, có việc làm cao; số lượng doanh nghiệp ngày càng tăng nhanh… là những điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành dịch vụ Hải Phòng.

*3.1.5.2. Các hạn chế trong phát triển khu vực dịch vụ của Hải Phòng*

Một là, số lao động được đào tạo nghề vẫn còn thấp. Hai là, chi phí đầu tư khai thác lợi thế sẽ khá cao do tình trạng bồi lấp tại các cửa sông làm tăng chi phí nạo vét luồng lạch, làm giảm sự hấp dẫn của bãi biển; do điều kiện thời tiết làm cho du lịch biển thường chỉ tập trung vào khoảng 3 – 4 tháng /năm. Ba là, kết cấu hạ tầng vẫn đang trong giai đoạn tăng tốc đầu tư. Bốn là, qui mô vốn đầu tư bình quân đầu người vẫn còn thấp hơn khá nhiều so với Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh. Năm là, mặc dù số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tăng khá nhanh nhưng hiện số lượng doanh nghiệp trên 1000 dân vẫn thấp hơn nhiều so với Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh..

3.2. Tình hình thực hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng

3.2.1. Xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ

Năm 2010, Thành phố đã phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ thành phố Hải Phòng đến năm 2020. Trong quy hoạch tổng thể phát triển các ngành dịch vụ ở Hải Phòng, hầu hết các ngành dịch vụ chính đều được định hướng phát triển rất rõ ràng. Công tác quy hoạch phát triển từng ngành dịch vụ cũng được chú trọng. Giai đoạn 2003 – 2017, các cấp, các ngành đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiều đề án quy hoạch. Hiện nay, thành phố đang hoàn thiện một số Đề án.

Để hiểu sâu hơn về công tác xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ, tác giả đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các cấp lãnh đạo, cán bộ làm việc trong cơ quan quản lý Nhà nước ở thành phố Hải Phòng. Những người tham gia khảo sát cho rằng chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng được xây dựng tập trung vào các ngành mũi nhọn và hướng phát triển các ngành dịch vụ mới với mức đánh giá trung bình là 4,4 điểm hay chiến lược và quy hoạch đã phát huy lợi thế so sánh của Thành phố. Hai tiêu chí này được đánh giá mức tốt cao. Đây là điểm mạnh của công tác xây dựng quy hoạch phát triển dịch vụ ở thành phố. Tuy nhiên, các chiến lược và quy hoạch phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng lại không được thường xuyên rà soát, bổ sung, sửa chữa phù hợp với yêu cầu phát triển. Họ cho rằng điều này khiến cho quy hoạch trở nên lỗi thời và khó đạt được hiệu quả như mong đợi.

3.2.2. Xây dựng và thực thi chính sách phát triển khu vực dịch vụ

*3.2.2.1. Chính sách thu hút đầu tư phát triển khu vực dịch vụ*

UBND thành phố Hải Phòng xây dựng chính sách xúc tiến đầu tư được với nhiều hình thức khác nhau, trong đó coi trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ là cách xúc tiến hiệu quả và thiết thực. Đối với một số dự án lớn, trọng điểm, lãnh đạo thành phố trực tiếp chủ trì kiểm điểm tiến độ triển khai hàng tuần nhằm tháo gỡ khó khăn, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng. Thành phố đã ban hành các chiến lược, kế hoạch xúc tiến đầu tư, quy chế phối hợp thực hiện giữa các cơ quan quản lý nhà nước nhằm tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư.

*3.2.2.2. Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ*

Kết cấu hạ tầng là nền tảng quan trọng để nhiều ngành dịch vụ phát triển nhanh chóng như dịch vụ vận tải, du lịch, thương mại, dịch vụ viễn thông, tài chính ngân hàng hay logistic… Chính vì vậy, UBND thành phố Hải Phòng chú trọng đặc biệt tới chính sách phát triển kết cấu hạ tầng như phát triển hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hạ tầng thông tin – truyền thông và công nghệ thông tin, hạ tầng bảo vệ môi trường.

*3.2.2.3. Chính sách phát triển các loại hình dịch vụ*

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ cảng và các dịch vụ liên quan trực tiếp trên luồng, cầu cảng và kho bãi. Phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ logistics nhằm hỗ trợ cho hoạt động hàng hải, khai thác có hiệu quả hệ thống cảng khu vực Hải Phòng. Đẩy mạnh phát triển ngành du lịch để Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch của vùng duyên hải Bắc Bộ. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí. Tăng cường xây dựng các mối liên kết vùng trong phát triển du lịch. Khai thác và phát huy hiệu quả các lợi thế của thành phố cảng, công nghiệp, cửa ngõ ra biển của các tỉnh phía Bắc để phát triển thương mại. ..

*3.2.2.4. Chính sách phát triển thị trường dịch vụ*

UBND thành phố thực hiện chính sách xây dựng, phát triển đồng bộ các loại thị trường dịch vụ có tổ chức, cùng với quản lý thị trường dịch vụ bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, chống độc quyền, góp phần nâng cao hiệu quả của kinh tế dịch vụ. Các chính sách phát triển thị trường khu vực dịch vụ thời gian qua của thành phố Hải Phòng nhằm cụ thể hoá việc tăng cường tạo lập môi trường cạnh tranh trong hoạt động cung ứng dịch vụ; xây dựng chính sách hỗ trợ hợp lý cho các doanh nghiệp dịch vụ, nhất là các doanh nghiệp trong các ngành dịch vụ công cộng.

*3.2.2.5. Chính sách đổi mới công nghệ, trang thiết bị trong lĩnh vực dịch vụ*

UBND thành phố Hải Phòng đã xây dựng chính sách đổi mới, hiện đại hoá trang bị công nghệ và quản lý kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt là các ngành dịch vụ có cam kết quốc tế về lộ trình hội nhập ASEAN, WTO, Hiệp định Thương mại Việt Nam Hoa Kỳ. Thành phố có cơ chế ưu đãi, động viên khuyến khích các doanh nghiệp đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ, tạo sản phẩm mới có hàm lượng chất xám cao, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

*3.2.2.6. Chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực dịch vụ*

Thành phố đã khẩn trương triển khai xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú ý đáp ứng tốt nhân lực chất lượng cho phát triển các ngành dịch vụ chủ lực: dịch vụ cảng, vận tải biển, dịch vụ logistics, ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám cao: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, tư vấn. Tạo điều kiện để thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài…

*3.2.2.7. Chính sách liên kết, hợp tác trong phát triển khu vực dịch vụ*

Thành phố đã chủ động hợp tác với Hà Nội, Quảng Ninh và các địa phương khác trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc Bộ; tổ chức các chương trình hợp tác, các cuộc hội thảo, nghiên cứu đề xuất hướng phát triển trong khuôn khổ hợp tác “hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt Nam - Trung Quốc để cùng phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi bên phát triển kinh tế dịch vụ.

*3.2.2.8. Chính sách hoàn thiện quản lý nhà nước đối với khu vực dịch vụ*

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước nói chung và ở khu vực dịch vụ nói riêng, thành phố Hải Phòng đã tích cực thực hiện cải cách hành chính theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Ngoài ra, để phát triển khu vực dịch vụ, thành phố Hải Phòng luôn quan tâm tới việc thực hiện kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước các cấp, bố trí cán bộ phù hợp…

3.2.3. Điều hành các hoạt động phát triển khu vực dịch vụ

*3.2.3.1. Dịch vụ cảng, vận tải biển và các dịch vụ hàng hải khác*

Nhìn chung các dịch vụ phục vụ hoạt động của hệ thống cảng biển khu vực Hải Phòng đã được coi trọng và phát triển theo hướng phát huy lợi thế, tiềm năng của thành phố cảng biển lâu đời. Hoạt động dịch vụ có sự phát triển nhanh chóng, ngày càng đa dạng về loại hình, mở rộng quy mô và phạm vi phục vụ.

*3.2.3.2. Dịch vụ du lịch*

Hải Phòng đã có nhiều nỗ lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng du lịch, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng lao động, đẩy mạnh quảng bá xúc tiến du lịch, xây dựng thương hiệu du lịch cho thành phố cảng; hình thành các trung tâm du lịch ven biển ở các khu vực có nhiều điều kiện thuận lợi trên cơ sở phát triển đa dạng các tuyến, loại hình du lịch - thể thao - giải trí cả ở trên bờ, trên biển và các hải đảo.

*3.2.3.3. Dịch vụ thông tin và truyền thông*

Bưu chính, viễn thông chú trọng đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ, hạ giá cước, mở rộng địa bàn phục vụ. Thành phố đã thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền các sự kiện chính trị, kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước và thành phố, thông tin phản ánh toàn diện về những vấn đề xã hội, dư luận quan tâm, nhất là tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam, kịp thời, khách quan, không để các đối tượng xấu lợi dụng.

*3.2.3.4. Dịch vụ thương mại*

Hệ thống hạ tầng thương mại được nâng cấp và phát triển nhanh, tạo nên các kênh lưu thông phân phối hàng hóa chủ yếu trên thị trường nội địa, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ. Chính vì vậy, lĩnh vực thương mại của thành phố phát triển khá mạnh và toàn diện. Thương mại điện tử phát triển khả quan. Thương mại nội địa lẫn xuất khẩu đều có bước tăng trưởng khá cao.

*3.2.3.5. Dịch vụ tài chính*

Hệ thống ngân hàng trên địa bàn thành phố đã triển khai xây dựng hệ thống thanh toán điện tử trực tuyến hiện đại theo chuẩn quốc tế. Hoạt động thanh toán điện tử liên ngân hàng ngày càng phát triển và chiếm ưu thế. Hệ thống các tổ chức kinh doanh, dịch vụ chứng khoán phát triển nhanh về số lượng. Tuy nhiên, hạ tầng hệ thống thanh toán ngân hàng còn hạn chế và hiệu quả thấp; chất lượng các tiện ích và tính đa dạng về dịch vụ thanh toán chưa phong phú.

*3.2.3.6. Dịch vụ thị trường bất động sản*

Trên địa bàn có 12 sàn giao dịch bất động sản đạt chuẩn đã đăng ký đi vào hoạt động; đã cấp 651 chứng chỉ môi giới bất động sản. Hạ tầng của thị trường và sản phẩm dịch vụ có bước phát triển mới, góp phần minh bạch hoá thị trường.

*3.2.3.7. Dịch vụ thị trường lao động*

Hệ thống các đơn vị giới thiệu việc làm đã được sắp xếp, kiện toàn lại. Tuy nhiên, phương thức giao dịch trên thị trường lao động chủ yếu thông qua hoạt động quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; các trung tâm giới thiệu việc làm hoạt động manh mún, chưa có sự kết nối, chia sẻ thông tin.

*3.2.3.8. Dịch vụ khoa học và công nghệ*

Thành lập và đưa vào vận hành Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị Tuy nhiên, các tổ chức trung gian tư vấn, dịch vụ về khoa học và công nghệ còn nhỏ về số lượng và quy mô, nghiệp vụ hạn chế.

*3.2.3.9. Kết quả xã hội hoá các hoạt động giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục - thể thao*

Hệ thống giáo dục, đào tạo theo các cấp học và theo các hệ đào tạo phát triển phù hợp với nhu cầu xã hội ngày càng tăng. Quy mô giáo dục, đào tạo tiếp tục ổn định và phát triển. Công tác xã hội hoá y tế được đẩy mạnh với nhiều hình thức. Đời sống văn hóa cơ sở được quan tâm xây dựng theo hướng xã hội hoá, bước đầu huy động được nguồn lực của toàn dân.

*3.2.3.10. Hoạt động dịch vụ khu vực nông thôn*

Các dịch vụ về điện, thông tin truyền thông, tài chính- ngân hàng, cung ứng vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng cho thị trường nông thôn cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu dùng của cư dân.

Để hiểu rõ hơn về công tác điều hành các hoạt động phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng, tác giả đã khảo sát các nhà lãnh đạo và cán bộ tại cơ quan quản lý nhà nước. Kết quả cho thấy đánh giá về hoạt động này chỉ ở mức trung bình. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là chính quyền Hải Phòng đã có sự phân định rõ ràng về trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các chính sách phát triển khu vực dịch vụ với 27,8% đánh giá tốt, 29% đánh giá khá, 7,8% đánh giá kém. Tiêu chí đánh giá thấp nhất là Khu vực dịch vụ phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thành phố Hải Phòng với điểm trung bình chỉ là 3,0.

3.2.4. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và hoàn thiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển khu vực dịch vụ

Công tác hướng dẫn thanh tra việc thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển khu vực dịch đã và đang được quan tâm ở thành phố Hải Phòng. Các cơ quan QLNN của thành phố đã xây dựng một số văn bản nhằm tăng tính pháp quy cho công tác kiểm tra, giám sát song vẫn chủ yếu dựa trên sự quản lý chung của UBND và chỉ đạo của trung ương trong phát triển khu vực dịch vụ.

Khảo sát về công tác thanh tra, kiểm tra, những người tham gia phỏng vấn cho rằng công tác này được thực hiện thường xuyên với điểm trung bình đánh giá là 4,0, 45,9% đồng ý với nhận định, 31% đánh giá mức khá đồng ý, chỉ có 10,2% ít đồng ý và 5,1% không đồng ý. Tuy nhiên, chỉ có 27,1% cho rằng thành phố đã có hệ thống văn bản pháp quy đầy đủ làm cơ sở cho hoạt động thanh tra, 34,9% đánh giá ở mức độ khá. Hiệu quả của hoạt động thanh tra trong khu vực dịch vụ cũng không được đánh giá cao với mức trung bình chỉ đạt 3,4. Vì vậy, kết quả khảo sát cũng cho thấy hoạt động thanh tra chưa phát huy hết vai trò quan trọng trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng.

3.3. Đánh giá vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng

3.3.1. Mức độ phù hợp của chiến lược, kế hoạch và các chính sách phát triển khu vực dịch vụ

Quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ ở Hải Phòng được xây dựng vào năm 2010 cho giai đoạn 2010 – 2020. Đến nay đã gần hết giai đoạn quy hoạch và cần thiết phải có sự nghiên cứu để xây dựng quy hoạch mới cho giai đoạn tiếp theo tới năm 2030.

Xem xét kết quả khảo sát có thể thấy chính sách phát triển kết cấu hạ tầng được đánh giá cao nhất về tính phù hợp ở Hải Phòng. Mức độ phù hợp thứ hai là chính sách thu hút đầu tư phát triển khu vực dịch vụ. Thực tế cho thấy, những năm gần đây, Hải Phòng đã thu hút được rất nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước cho các dự án trong lĩnh vực dịch vụ như logistic, du lịch… Tuy nhiên, chính sách phát triển thị trường dịch vụ chưa được đánh giá cao về tính phù hợp. Ngược lại, tính công khai, minh bạch của các chính sách phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng lại được đánh giá cao hơn. Tính hiệu lực của các chính sách cũng chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình. Thấp nhất là chính sách phát triển các loại hình dịch vụ, chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực dịch vụ và chính sách hoàn thiện QLNN đối với khu vực dịch vụ...

3.3.2. Năng lực tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch chính sách phát triển khu vực dịch vụ cấp tỉnh

Các chính sách phát triển dịch vụ còn chưa hiệu quả. Mặc dù UBND thành phố đã cố gắng xây dựng và thực hiện rất nhiều chính sách khác nhau nhằm thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển theo quy hoạch nhưng kết quả cho thấy kinh tế dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chưa thể hiện rõ vai trò là trung tâm kinh tế dịch vụ của vùng duyên hải Bắc Bộ và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

3.3.3. Tốc độ phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh và tác động của nó đến phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh

Hiện nay, thành phố Hải Phòng đã có một khu vực dịch vụ khá đa dạng với nhiều ngành khác nhau. Những ngành dịch vụ mũi nhọn được đặc biệt quan tâm dựa trên lợi thế so sánh địa phương nhưng một số ngành dịch vụ có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế khác phát triển lại chưa được quan tâm đúng mức.

3.3.4. Mức độ hài hòa về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ

Theo số liệu thống kê doanh thu thuần của các doanh nghiệp dịch vụ tăng bình quân 8,59%/năm trong giai đoạn 2011 – 2016, thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần chung của các doanh nghiệp đạt 9.41%/năm. Có thể thấy, doanh thu trong khu vực dịch vụ của Hải Phòng phân bố không đều, chỉ tập trung vào hai ngành lớn nhất của khu vực. Còn lại các ngành khác mức doanh thu khá thấp.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP VỀ THỰC HIỆN VAI TRÒ NHÀ NƯỚC

TRONG PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỊCH VỤ Ở HẢI PHÒNG

GIAI ĐOẠN 2019 – 2025, TẦM NHÌN 2035

4.1. Bối cảnh mới ảnh hưởng đến vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc xác định quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ Hải Phòng sẽ không chỉ hướng tới thị trường Hải Phòng, thị trường trong vùng, trong nước mà cần hướng tới thị trường các nước trong khu vực và thế giới. Qua đó, Hải Phòng có thể trở thành một “hạt nhân” trong mạng lưới sản xuất kinh doanh trong khu vực và toàn cầu. Để thực hiện mục tiêu đó, hàng loạt vấn đề đặt ra đối với vai trò Nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ Hải Phòng.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng đặt ra trong bối cảnh đất nước vận hành với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, theo xu hướng mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế. Mô hình kinh tế mới tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động nguồn lực, sức sáng tạo của toàn dân để đẩy mạnh phát triển kinh tế của thành phố. Hiện nay, tỷ trọng khu vực dịch vụ ở Hải Phòng trong GDP đã vượt công nghiệp vốn là khu vực được ưu tiên phát triển trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi nêu trên, cả nước hiện nay còn không ít khó khăn, thách thức. Theo Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị, Hải Phòng sẽ phải nỗ lực đầu tư phát triển vào nhiều ngành kinh tế khác nhau, nhất là các ngành kinh tế dịch vụ.

4.1.3 Những thuận lợi và khó khăn trong việc hoạch định và thực hiện chiến lược, kế hoạch chính sách phát triển dịch vụ ở Hải Phòng

*4.1.3.1. Những thuận lợi cơ bản*

Thứ nhất, cơ hội cho phát triển các ngành dịch vụ. Thứ hai, Việt Nam đang ngày càng tích cực tham gia vào các chương trình hợp tác phát triển. Thứ ba, chủ trương phát triển nhanh các ngành dịch vụ nước ta. Thứ tư, Hải Phòng được xác định là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm này là điều kiện thuận lợi cho phát triển các ngành dịch vụ của Thành phố.

*4.1.3.2. Những khó khăn cơ bản*

Một là, những khó khăn nảy sinh từ quá trình chuyển đổi nền kinh tế nước ta khi tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hai là, những khó khăn nảy sinh từ tác động của cuộc khủng hoảng tài chính, khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay. Ba là, những khó khăn từ trình độ kém phát triển của nền kinh tế nước ta nói chung và khu vực dịch vụ nói riêng. Bốn là, những khó khăn trong phát triển các ngành dịch vụ của Hải Phòng nhìn trong bối cảnh phát triển chung của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

4.2. Quan điểm thực hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng trong thời gian tới

4.2.1. Thực hiện vai trò nhà nước nhưng không làm thay thị trường và phải tôn trọng các quy luật thị trường

Việc nhấn mạnh vai trò nhà nước trong định hướng phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng không mâu thuẫn với vấn đề có tính nguyên tắc: sự vận hành của nền kinh tế thị trường nào cũng trước hết và chủ yếu do các quy luật thị trường quyết định. Trên nền tảng hệ thống luật pháp, quy hoạch, chính sách phát triển khu vực dịch vụ quốc gia, chính quyền Hải Phòng xây dựng định hướng và các biện pháp thực tiễn cụ thể để phát triển khu vực dịch vụ trong điều kiện đặc thù của thành phố.

4.2.2. Phát huy vai trò nhà nước ở cấp tỉnh không trái luật pháp và các quy định của nhà nước Trung ương

Chính quyền các tỉnh nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng phải phát huy vai trò gắn liền với chức năng quản lý, tổ chức, điều hành phát triển khu vực dịch vụ trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cụ thể, chính quyền thành phố luôn giữ vai trò trung tâm, chi phối hoạt động trong hệ thống chính quyền cấp tỉnh, bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, người dân tham gia trong khu vực dịch vụ.

4.2.3. Đảm bảo hài hòa các lợi ích

Lợi ích vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy mọi hoạt động của con người. Do đó, khi thể hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ, chính quyền cấp tỉnh phải chú ý đến lợi ích của các nhóm người để khuyến khích các hoạt động diễn ra có hiệu quả, tích cực. Quan điểm phát triển bền vững cần được thể hiện đầy đủ trong việc đề ra định hướng và giải pháp phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng.

4.2.4. Phát triển khu vực dịch vụ dựa vào tiềm năng, lợi thế

Hải Phòng cũng có những lợi thế riêng như dịch vụ logistic, cảng biển, du lịch… chỉ cần một môi trường thuận lợi do chính quyền thành phố tạo ra là có thể phát triển hiệu quả. Như hai mặt bắt buộc song song tồn tại, nơi nào có lợi thế so sánh thì cũng đi kèm với bất lợi thế so sánh nào đó khác, thậm chí qua thời gian thì lợi thế so sánh cũng có thể chuyển hoá thành bất lợi thế so sánh. Đối với thành phố Hải Phòng, những yếu tố trên cũng ảnh hưởng rất lớn đến phát triển khu vực dịch vụ.

4.2.5. Phát triển khu vực dịch vụ phải dựa trên liên kết với các địa phương trong nước và quốc tế

Trong xu thế toàn cầu hoá và khu vực hoá đời sống kinh tế, nền kinh tế đất nước nói chung và khu vực dịch vụ của thành phố Hải Phòng nói riêng phải hội nhập là xu thế tất yếu và khách quan. Với những cam kết đa phương, song phương mà chính phủ đã ký kết, cùng với tự do hóa thương mại, tự do hóa các ngành dịch vụ cũng trở thành yêu cầu trong thời kỳ mới.

4.3. Các giải pháp thực hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng trong thời gian tới

4.3.1. Không ngừng hoàn thiện quy hoạch, chiến lược phát triển khu vực dịch vụ

Quy hoạch đã được xây dựng từ năm 2011 và cần phải được liên tục rà soát, hoàn thiện để có thể định hướng phát triển đúng đắn cho toàn bộ khu vực dịch vụ và một số phân ngành dịch vụ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển thành phố. Để nâng cao khả năng hoạch định, xây dựng chiến lược phát triển khu vực dịch vụ tại thành phố Hải Phòng thời gian tới cần tập trung vào việc xác định mục tiêu cần giao cho cơ quan chuyên môn nghiên cứu phân tích theo cách tiếp cận 3 giác độ, nhằm đánh giá đúng mức về vị thế, về nội lực, về các tác nhân, để từ đó đề ra mục tiêu điều chỉnh các chính sách cho phù hợp.

4.3.2. Tăng cường hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế nhằm phát triển các ngành dịch vụ

Với vị trí là cửa ngõ chính ra biển của các tỉnh phía Bắc, một cực tăng trưởng của vùng khu kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và một đầu mối quan trọng của hai hành lang kinh tế giữa Việt Nam – Trung Quốc, vấn đề liên kết phát triển vùng là một yếu cầu tất yếu đối với Hải Phòng trong thời kỳ quy hoạch. Điều này chỉ có thể thực hiện hiệu quả không chỉ thông qua tăng cường hoạt động hợp tác với các nước bên ngoài mà còn phải chú trọng tới việc phối hợp hành động cùng các cấp tỉnh khác trong cả nước. Điều này giúp cho Hải Phòng có thể chủ động đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, thu hút nhiều nguồn vốn khác nhau để phát triển khu vực dịch vụ phù hợp.

4.3.3. Hoàn thiện các chính sách phát triển dịch vụ

*4.3.3.1. Chính sách thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ*

Theo kết quả tổng hợp vốn đầu tư phát triển trên đây, hàng năm Hải Phòng sẽ cần huy động lượng vốn khá lớn cho mục tiêu phát triển, trong đó vốn đầu tư vào khu vực dịch vụ sẽ tăng dần qua các các năm. Vì vậy, cần huy động tối đa nội lực, đa dạng hóa các hình thức tạo huy động vốn, các hình thức tạo vốn, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế, tích cực thu hút vốn FDI và ODA,...

*4.3.3.2. Chính sách phát triển nguồn nhân lực cho khu vực dịch vụ*

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, Hải Phòng sẽ phải đối diện với những khó khăn về nguồn nhân lực. Vì vậy, các chính sách phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực cho phát triển các ngành dịch vụ đang là một trong những yêu cầu cấp bách đối với Hải Phòng.

*4.3.3.3. Phát triển kết cấu hạ tầng*

Một là, tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Hai là, hình thành các khu dịch vụ chuyên ngành. Ba là, phát triển cụm dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp

*4.3.3.4. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong giải quyết vấn đề tiếp cận mặt bằng kinh doanh cho doanh nghiệp*

Thứ nhất, xây dựng quy hoạch đất đai dài hạn (từ nay tới năm 2030). Thứ hai, thiết lập chính sách di dời, phân phối, sử dụng quỹ đất và bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy hoạch. Thứ ba, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, công khai minh bạch giá thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất cho các doanh nghiệp. Thứ tư, cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian tiếp cận đất cho các doanh nghiệp.

*4.3.3.5. Chính sách khoa học, công nghệ*

Thứ nhất, là tăng đầu tư ngân sách cho phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học. Thứ hai, tập trung nghiên cứu các vấn đề trọng tâm, tạo nhiều đột phá về khoa học - công nghệ để đưa vào ứng dụng. Thứ ba, tăng cường công tác tập huấn phổ biến những tiến bộ khoa học - công nghệ cho doanh nghiệp và người dân sử dụng dịch vụ. Thứ tư, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật cho khu vực dịch vụ. Thứ năm, tăng cường khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, cung cấp các dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, hướng tới phù hợp với yêu cầu quốc tế.

*4.3.3.6. Xây dựng môi trường văn hoá và đạo đức kinh doanh trong khu vực dịch vụ*

Một là, tuyên truyền cho cộng đồng dân cư thấu hiệu đầu tư vốn để sản xuất kinh doanh dịch vụ là điều kiện cần thiết. Hai là, tạo dư luận đấu tranh mạnh mẽ đối với các trường hợp kinh doanh không lành mạnh, làm giàu bất hợp pháp và coi thường lợi ích xã hội, lợi ích chung của cộng đồng. Ba là, khuyến khích tinh thần hợp tác, cùng nhau chia sẻ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh. Bốn là, cung cấp cho các doanh nghiệp và hộ gia đình về thông tin, kiến thức bảo vệ môi trường và phát triển xã hội gắn với hoạt động kinh doanh dịch vụ.

Năm là, tăng cường xây dựng văn hoá cấp tỉnh, phát triển văn hoá, văn nghệ để nâng cao đời sống tinh thần cho người dân và xây dựng văn hóa sử dụng dịch vụ làm nền tảng cho phát triển các ngành dịch vụ.

4.3.4. Tạo điều kiện phát triển thị trường dịch vụ

Với những khiếm khuyết của thị trường, chính quyền cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện phát triển thị trường dịch vụ ở cả cầu, cung và môi trường kinh doanh. Các điều kiện phát triển thị trường dịch vụ thuận lợi sẽ tạo ra môi trường và động lực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với cơ chế thị trường và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế của cấp tỉnh. Ở Hải Phòng, việc hoàn thiện các điều kiện phát triển thị trường dịch vụ không những giải quyết được rất nhiều hạn chế đang tồn tại mà còn nâng cao vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong quản lý kinh tế nói chung.

4.3.5. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ

Trong cơ chế kinh tế thị trường, mục đích của kiểm tra, giám sát là kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu có tính định hướng, các chính sách và quy định của Nhà nước về quyền hạn, nghĩa vụ, quyền lợi của các chủ thể kinh tế, tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động kinh doanh, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển khu vực dịch vụ. Để vai trò nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ đạt hiệu quả cao nhất, sau khi xác định được mục tiêu, xác định nội dung thực thi chính sách, cơ quan thanh tra của chính quyền thành phố Hải Phòng phải tiến hành kiểm tra hoạt động này trên thực tế nhằm đảm bảo hướng tới mục tiêu đã đặt ra.. Không những vậy, việc hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra một cách đầy đủ, là điều kiện xem xét tính khả thi của các chính sách, chỉ ra các bất cập để có thể có những điều chỉnh kịp thời phù hợp với sự phát triển chung của đất nước.

KẾT LUẬN

Phát triển khu vực dịch vụ là một tất yếu khách quan trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh trong đó có thành phố Hải Phòng. Kinh tế thị trường có vai trò to lớn trong phát triển khu vực dịch vụ. Tuy nhiên, kinh tế thị trường cũng có không ít khuyết tật, tác động xấu đế sự phát triển của khu vực này. Do đó, phát triển khu vực dịch vụ cần có sự can thiệp, điều tiết của nhà nước.

Trong những năm vừa qua, chính quyền thành phố Hải Phòng đã thực hiện vai trò của mình trong phát triển khu vực dịch vụ và đạt những kết quả rất quan trọng. Tuy nhiên, những bất cập trong phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng như phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, chưa cân đối, mức độ liên kết, hội nhập còn thấp… có nguyên nhân quan trọng từ thực hiện vai trò nhà nước.

Thực hiện đúng vai trò của nhà nước nhằm phát triển khu vực dịch vụ ở Hải Phòng là yêu cầu khách quan, cấp thiểt. Điều đó không chỉ xuất phát từ đòi hỏi phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng, mà của cả vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Hồng và của đất nước.

Các giải pháp thực hiện đúng vai trò nhà nước nhằm phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng trong thời gian tới phải dựa trên quan hệ nhà nước và thị trường; phải phù hợp với bối cảnh mới của đất nước và thế giới. Các giải pháp đều có mối quan hệ thống nhất, biện chứng và cần phải được tiến hành đồng bộ. Đây không chỉ là cơ sở thực hiện đúng vai trò Nhà nước trong phát triển khu vực dịch vụ ở thành phố Hải Phòng mà còn là những gợi ý có giá trị nhất định cho các tỉnh thành khác trong quá trình thúc đẩy phát triển khu vực dịch vụ ở cấp tỉnh.